TAND HUYỆN TAM ĐƯỜNG **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HS-ST
Ngày 21/02/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hồ Thị Tuyết
Các hội thẩm nhân dân: Ông Tẩn A Nao
Ông Nguyễn Duy Cường
- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đường
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Tính - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HS ngày 08/02/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn T** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;
Sinh ngày 03/4/2000; Tại: TU – Lai Châu;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bản NB, xã PK, huyện TU, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Giáy; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông: Lò Văn Nhới, đã chết; con bà: Vàng Thị Nhàn, sinh năm 1977. Gia đình bị cáo có 04 anh em. Bị cáo là con thứ ba trong gia đình. Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Về nhân thân: Ngày 31/12/2014 Lò Văn T bị Công an xã PK, huyện TU Quyết định xử phạt vi phạm hành chính do có hành vi "Trộm cắp tài sản"; Ngày 01/01/2015 Lò Văn T bị Công an xã PK, huyện TU Quyết định xử phạt vi phạm hành chính do có hành vi "Đánh nhau"; Ngày 10/11/2015, Lò Văn T bị TAND huyện TU Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng trong thời hạn 18 tháng; Ngày 28/02/2020 Lò Văn T bị TAND Thành phố LC Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng. Đến thời điểm phạm tội ngày 10/02/2022, T được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định pháp luật.

Ngày 25/01/2019, Lò Văn T bị TAND Thành phố LC căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm

cắp tài sản" đến ngày 09/9/2019 chấp hành xong bản án. Đến thời điểm phạm tội ngày 10/02/2022 bị cáo đã được xóa án tích theo quy định.

Bị cáo Lò Văn T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện VB, tỉnh Lào Cai áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam về tội trộm cắp tài sản. Hiện bị cáo đang chấp hành quyết định thi hành án phạt tù số 28/2022/QĐ-CA ngày 06/02/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện VB, tỉnh Lào Cai tại trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:* Anh Vàng Văn P, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Bản CN, xã BH, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu (Có mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ A, phường TP, thành phố LC, tỉnh Lai Châu (vắng mặt có lý do)

** Người tham gia tố tụng khác:*

- *Người làm chứng:* Lò Thị T, sinh ngày 22/12/2005. Địa chỉ: Bản NX, xã TRĐ, huyện TU, tỉnh Lai Châu (vắng mặt không có lý do)

Người đại diện hợp pháp cho Lò Thị T: Bà Hà Thị S, sinh năm 1985. Địa chỉ: Bản NX, xã TRĐ, huyện TU, tỉnh Lai Châu (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 10/02/2022, Lò Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave Alpha màu trắng, biển kiểm soát 25B1 - 830.28 chở theo Lò Thị T, sinh năm 2005, trú tại bản NX, xã TRĐ, huyện TU, tỉnh Lai Châu đi lên thành phố LC. Khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, Lò Văn T điều khiển xe mô tô đi đến bản CN, xã BH, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu thì thấy quán bán hàng tạp hóa của gia đình ông Vàng Văn P - sinh năm 1966 phía bên tay trái theo hướng TĐ - Thành phố LC. T quan sát thấy quán tạp hóa khóa cửa, xung quanh không có người nên T đã nảy sinh ý định đột nhập vào quán ông P để trộm cắp tài sản. T điều khiển xe mô tô đi qua cách quán ông P khoảng 20m đến 30m thì dừng xe ngoài đường, bảo Lò Thị T đứng đợi để T đi vệ sinh. Trong lúc T không để ý, T lấy 01 chiếc tua vít dài khoảng 20cm, cán màu đen, trục tua vít màu trắng để trong cốp xe làm công cụ trộm cắp tài sản. T một mình đi bộ về hướng quán tạp hóa của ông P (T ngồi ở xe mô tô đợi T), men theo đường mòn phía sau quán của ông P, trèo qua tường rào làm bằng gạch bi. Khi đi đến cánh cửa tôn màu xanh ở khu vực bể nước, T thấy cánh cửa chốt bên trong, T dùng tua vít vặn tháo các ốc ở cửa và tay cầm cửa làm tấm tôn bật hé ra, các ốc vít và tay cầm rơi xuống đất, T cất tua vít vào trong túi quần, dùng tay kéo tấm tôn ra và mở chốt cửa.

Sau khi mở được cửa, T đã đi vào trong gian bán hàng, bật điện sáng, T đã đi thẳng vào phòng ngủ thấy ở đầu giường ngủ có 01 chiếc điện thoại di động

nhãn hiệu Samsung J2 màu trắng, T cầm và cất vào trong túi quần; thấy cuối giường có một chiếc ba lô màu hồng, T lấy ba lô đặt lên giường, mở ba lô ra bên trong có 02 hộp đựng điện thoại nhãn hiệu OPPO F9 PRO và 01 hộp đựng điện thoại nhãn hiệu OPPO F9 đều màu trắng, T mở các hộp ra thấy bên trong có nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau có tổng số tiền 12.000.000 đồng và cho vào một túi nilon màu đỏ cất trong túi áo của T. T tiếp tục lấy trong ba lô có nhiều thẻ nạp điện thoại mạng Viettel với các mệnh giá 100.000 đồng, 50.000 đồng, 20.000 đồng với tổng số tiền 4.100.000 đồng và cho số thẻ nạp vào trong túi áo T đang mặc.

Sau khi trộm cắp tài sản xong, T đi ra khỏi quán theo lối vào và đi bộ đến chỗ T đang đứng đợi cùng xe mô tô, T có hỏi T cầm túi nilon gì nhưng T không trả lời và không cho T biết việc T vừa trộm cắp tài sản. T tiếp tục điều khiển xe mô tô đi về phòng trọ của T ở khu vực xã Sùng Phài, thành phố LC. Trên đường đi T đã làm rơi 350.000 đồng thẻ nạp điện thoại. Khi đi đến phòng trọ, trong lúc T đi ra ngoài, T đã mang tài sản trộm cắp của ông P ra đếm được 12.000.000 đồng tiền mặt, 3.750.000 đồng tổng số tiền trên thẻ nạp điện thoại.

Cùng ngày, T gọi điện thoại cho Nguyễn Văn S, sinh năm 1993, trú tại Tổ A, phường TP, thành phố LC, tỉnh Lai Châu để thuê S chở đồ từ phòng trọ của T về nhà của Lò Thị T tại bản NX, xã TRĐ, huyện TU với giá 1.000.000 đồng, S đồng ý. Trên đường đi về, T có nói chuyện với S về việc T có nhiều thẻ điện thoại mua về để chơi game nhưng nay T không chơi nữa nên muốn bán, hỏi S có mua số thẻ này không? S đồng ý. Khi về đến nhà T, T đã dùng một thẻ điện thoại mệnh giá 100.000 đồng nạp vào số điện thoại 0349.651.129 của T và đưa cho T một thẻ điện thoại mệnh giá 50.000 đồng (ngày 12/02/2022 T mới nạp thẻ điện thoại này vào số điện thoại 0396.824.225, số điện thoại đăng ký tên T nhưng T đưa cho T dùng). Số thẻ điện thoại còn lại T đưa cho S kiểm đếm được tổng 3.600.000 đồng tiền ghi trên thẻ, S trả giá T 2.900.000 đồng, T đồng ý. S trừ tiền T thuê chở đồ và đưa lại cho T 1.900.000 đồng.

Đến ngày 11/02/2022, Lò Văn T đi làm thuê ở tỉnh Bắc Ninh, T đã bán chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung J2 trộm cắp được của ông P ngày 10/02/2022 cho một quán điện thoại với giá 300.000 đồng. T không biết tên, địa chỉ cụ thể của quán điện thoại này.

Ngày 21/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TĐ nhận được văn bản số 599 ngày 17/10/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện VB, tỉnh Lào Cai về việc phối hợp điều tra.

Tại bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản Tố tụng hình sự huyện TĐ ngày 18/3/2022, kết luận: *"**Tổng giá trị tài sản định giá là:** 800.000 vnđ (Số tiền ghi bằng chữ: Tm trăm nghìn đồng chẵn)"*;

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án hoàn toàn phù hợp với toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của Lò Văn T và được Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TĐ tiến hành thu thập theo đúng trình tự, thủ tục của BLTTHS năm 2015 và có đủ căn cứ khẳng định: Ngày 10/02/2022, Lò Văn T đã có hành vi trộm cắp tài sản tại quán bán hàng tạp hóa của ông Vàng A P thuộc bản CN, xã BH, huyện TĐ có tổng giá trị là **16.900.000 đồng** *(Mười sáu triệu chín trăm nghìn đồng)* và bị cơ quan Công an phát hiện. Hành vi của Lò Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bản cáo trạng số 06/CT - VKSTĐ ngày 12/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TĐ đã truy tố Lò Văn T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận và bản cáo trạng nêu trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại Vàng Văn P trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Lò Văn T phải bồi thường cho bị hại số tiền 16.900.000 đồng. Về hình phạt, đề nghị hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn S trình bày: Khi bị cáo bán cho anh S thẻ cào điện thoại, anh S không biết đó là tài sản bị cáo trộm cắp mà có nay anh S không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, ngoài ra anh S không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Về hình phạt: áp dụng khoản 1, 5 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 18 tháng đến 24 tháng tù, áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung với bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân quận LB, thành phố Hà Nội là 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng và bản án hình sự sơ thẩm số 165/2022/HS-ST ngày 26/12/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố LC, tỉnh Lào Cai và bản án hình sự sơ thẩm số 80/2022/HS-ST ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện VB, tỉnh Lào Cai theo quyết định thi hành án phạt tù số 28/2022/QĐ-CA ngày 06/02/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện VB, tỉnh Lào Cai là 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù, ấn định thời hạn tù buộc bị cáo phải chấp hành theo quy định pháp luật, thời hạn tù tính từ ngày 15/10/2022; Áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn S không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét; đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Vàng Văn P số tiền 16.900.000 đồng; Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị hại: 01 (một) tay nắm cửa bằng kim loại; 07

(bảy) ốc vít; 02 (hai) hộp đựng điện thoại màu trắng, kích thước (17,4x5,1)cm, có chữ OPPO F9 PRO; 01 (một) hộp đựng điện thoại màu trắng, kích thước (18,5x10)cm, có chữ OPPO F9; 01 (một) ba lô màu hồng; Về án phí: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Bị cáo Lò Văn T không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TĐ.

Tại lời nói sau cùng bị cáo Lò Văn T thể hiện việc nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TĐ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TĐ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa hôm nay cũng như quá trình điều tra bị cáo Lò Văn T đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ. Như vậy đã có đủ căn cứ khẳng định: Ngày 10 tháng 02 năm 2022, do muốn có tiền để phục vụ mục đích tiêu xài cá nhân, Lò Văn T đã có hành vi đột nhập vào quán tạp hóa của ông Vàng Văn P thuộc bản CN, xã BH, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu trộm cắp một điện thoại SamSung J2, trị giá 800.000 đồng, 12.000.000 đồng tiền mặt và 4.100.000 đồng thẻ nạp điện thoại mạng Viettel. Tổng giá trị tài sản Lò Văn T trộm cắp là **16.900.000** đồng *(Mười sáu triệu chín trăm nghìn đồng chẵn)*. Số tiền bán thẻ nạp điện thoại, bán điện thoại và số tiền do trộm cắp được Lò Văn T đã tiêu xài cá nhân hết.

Bị cáo Lò Văn T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Ý thức được điều đó nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Do đó, hành vi của bị cáo Lò Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ

luật hình sự. Vì vậy, quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở, không oan sai, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo từng bị xét xử về tội trộm cắp tài sản (đã xóa án tích); bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cai nghiện bắt buộc, bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản và hành vi đánh nhau (đã xóa tiền sự). Tuy nhiên, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Sau khi thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản trong vụ án này, bị cáo còn thực hiện nhiều hành vi phạm tội ở các địa phương khác và đã bị xét xử, điều này chứng tỏ bị cáo có nhân thân xấu.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người dân tộc thiểu số. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

[4]. Về vấn đề tổng hợp hình phạt và cách tính thời hạn tù đối với bị cáo:

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 06/01/2023, Lò Văn T bị Tòa án nhân dân quận LB, thành phố Hà Nội xử phạt 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Cướp giật tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Ngày 06/02/2023, Chánh án Tòa án nhân dân huyện VB, tỉnh Lào Cai đã ban hành Quyết định số 01/2022/QĐ-CA về việc tổng hợp hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 165/2022/HS-ST ngày 26/12/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố LC, tỉnh Lào Cai và bản án hình sự sơ thẩm số 80/2022/HS-ST ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện VB, tỉnh Lào Cai đối với Lò Văn T. Tính đến thời điểm xét xử vụ án này, bị cáo Lò Văn T đang chấp hành hình phạt theo quyết định thi hành án phạt tù số 28/2022/QĐ-CA ngày 06/02/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện VB, tỉnh Lào Cai là 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/10/2022, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt với lần phạm tội này và ấn định thời hạn tù tính từ ngày 15/10/2022 đối với bị cáo Lò Văn T.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm nghề tự do, thu nhập không

ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn S không yêu cầu bị cáo Lò Văn T phải bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự, bị cáo Lò Văn T phải có trách nhệm bồi thường cho bị hại Vàng Văn P số tiền 16.900.000 đồng.

[7] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với 01 (một) tay nắm cửa bằng kim loại; 07 (bảy) ốc vít; 02 (hai) hộp đựng điện thoại màu trắng, kích thước (17,4x5,1)cm, có chữ OPPO F9 PRO; 01 (một) hộp đựng điện thoại màu trắng, kích thước (18,5x10)cm, có chữ OPPO F9; 01 (một) ba lô màu hồng là tài sản hợp pháp của bị hại nên cần trả lại cho bị hại Vàng Văn P.

[8] Những vấn đề liên quan:

Đối với Lò Thị T là người đã đi cùng Lò Văn T vào ngày 10/02/2022. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, T không bàn bạc và không cho T biết việc T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do vậy, Lò Thị T không đồng phạm với Lò Văn T về tội "Trộm cắp tài sản".

Đối với Nguyễn Văn S là người đã mua lại số thẻ điện thoại của nhà mạng Viettel có tổng giá trị 3.600.000 đồng của T vào ngày 10/02/2022. S hoàn toàn không biết đây là tài sản do T trộm cắp mà có. Do vậy, Nguyễn Văn S không đồng phạm với Lò Văn T về tội "Trộm cắp tài sản".

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 25B1 - 830.28. Sau khi trộm cắp tài sản gia đình ông P, Lò Văn T sử dụng xe mô tô này thực hiện hành vi Cướp giật tài sản tại Quận LB, Hà Nội bị Công an Quận LB, Hà Nội bắt quả tang và tạm giữ xe mô tô trên để xử lý theo quy định.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung J2 trộm cắp được của gia đình ông Vàng Văn P. Lò Văn T khai nhận sau trộm cắp được T đi xuống Bắc Ninh bán cho một quán không biết địa chỉ cụ thể trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh với giá 300.000 đồng. Do không xác định được địa chỉ cụ thể người mua chiếc điện thoại trên nên không có đủ căn cứ để điều tra xác minh làm rõ.

Quá trình điều tra, xác định Lò Văn T còn thực hiện các hành vi phạm tội như sau: Ngày 11/5/2022 Lò Văn T còn thực hiện hành vi Cướp giật tài sản tại Phường TT, quận LB, thành phố Hà Nội; Ngày 28/9/2022, Lò Văn T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại tổ 29, phường Bắc Cường, Thành phố LC; Ngày 03/10/2022 Lò Văn T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại thôn Mai Hồng 3, xã Tân An, huyện VB, tỉnh Lào Cai; Ngày 11/10/2022 Lò Văn T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại Thôn CT2, xã PN, huyện BT, tỉnh Lào Cai; Ngày 19/5/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận LB, Hà Nội đã khởi tố vụ án Cướp giật tài sản theo khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự; Ngày 16/10/2022 Cơ quan Cảnh

sát điều tra Công an huyện VB, tỉnh Lào Cai đã khởi tố vụ án Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Ngày 15/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố LC, tỉnh Lào Cai đã khởi tố vụ án Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Ngày 16/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BT, tỉnh Lào Cai đã khởi tố vụ án Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự để điều tra thành các vụ án riêng nên không đề cập xử lý.

[9] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lò Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 845.000 đồng (16.900.000 đồng x 5% = 845.000 đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 2 Điều 47, Điều 48; khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản"*

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lò Văn T 20 *(Hai mươi)* tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung với bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân quận LB, thành phố Hà Nội là 04 *(Bốn)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù và bản án hình sự sơ thẩm số 165/2022/HS-ST ngày 26/12/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố LC, tỉnh Lào Cai, bản án hình sự sơ thẩm số 80/2022/HS-ST ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện VB, tỉnh Lào Cai theo quyết định thi hành án hình phạt tù số 28/2023/QĐ-CA ngày 06/02/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện VB, tỉnh Lào Cai là 02 *(Hai)* năm 09 *(Chín)* tháng tù. Hình phạt chung mà bị cáo T phải chấp hành là 08 *(Tám)* năm 11 *(Mười một)* tháng tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày 15/10/2022.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lò Văn T phải bồi thường cho bị hại Vàng Văn P số tiền 16.900.000 đồng *(Mười sáu triệu chín trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả đủ số tiền phải thi hành án, thì còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương

ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng của vụ án:

Trả lại cho bị hại Vàng Văn P: 01 (một) tay nắm cửa bằng kim loại; 07 (bảy) ốc vít; 02 (hai) hộp đựng điện thoại màu trắng, kích thước (17,4x5,1)cm, có chữ OPPO F9 PRO; 01 (một) hộp đựng điện thoại màu trắng, kích thước (18,5X10)cm, có chữ OPPO F9; 01 (một) ba lô màu hồng;

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 08 giờ 45 phút ngày 13/01/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TĐ với Chi Cục thi hành án dân sự huyện TĐ).

5. Về án phí: Bị cáo Lò Văn T phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 845.000 đồng *(Tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện TĐ;
- Chi Cục THADS huyện TĐ;
- Công an huyện TĐ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người TGTT;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Hồ Thị Tuyết